BẢNG CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 20 tháng10 năm 2026

Tổng số học sinh: 66

PHÂN HIỆU ĐIỆN QUAN

Bữa sáng: 66 học sinh **Định mức: 10.000 đồng**

STT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Bánh mỳ chuột	cái	132	2.500	330.000
2	Sữa izzi 110 ml	hộp	66	5.000	330.000
	Tổng cộng				**660.000**

Bữa trưa: 66 học sinh **Định mức: 19.000 đồng**

STT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Thịt lợn vai	Kg	3,9	130.000	507.000
2	Đậu phụ	Kg	4	27.000	108.000
3	cà chua	Kg	1,2	30.000	36.000
4	Chả quế	Kg	3	145.000	435.000
5	Su su	Kg	6	12.000	72.000
6	Bắp cải sa pa	Kg	2	15.000	30.000
7	Gia vị				66.000
8		Kg	19,8		
	Tổng cộng				**1.254.000**

Bữa chiều: 66 học sinh **Định mức: 19.000 đồng**

STT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Thịt lợn vai xay(bỏ bì)	kg	3,4	130.000	442.000
2	Ngô ngọt hạt	kg	1,2	60.000	72.000
3	Cà rốt	kg	1	18.000	18.000
4	Cá rô phi (bỏ đầu mổ sạch)	kg	5,8	90.000	522.000
5	Bầu non	kg	6	17.000	102.000
6	Cải thảo	kg	2	16.000	32.000
7	Gia vị				66.000
8	Gạo tẻ	kg	19,8		
	Tổng cộng				**1.254.000**

HIỆU TRƯỞNG

UBND XÃ THƯỢNG HÀ TRƯỜNG THCS THƯỢNG HÀ

Nguyễn Ngọc Kiên

NGƯỜI LẬP

Lê Thị Thu Nga

Được quét bằng CamScanner

BẢNG CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 21 tháng 10 năm 2026

Tổng số học sinh: 66

Phân hiệu Điện Quan

Bữa sáng: 66 học sinh **Định mức: 10.000 đồng**

STT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Mì tôm kokomi 75g	gói	66	5.000	330.000
2	Trứng gà trắng	quả	66	3.800	250.800
3	Bắp cải	kg	6,6	12.000	79.200
	Tổng cộng				**660.000**

Bữa trưa: 66 học sinh **Định mức: 19.000 đồng**

STT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Thịt lợn mông	Kg	6	130.000	780.000
2	Hành tây	Kg	2	19.000	38.000
3	Trứng gà trắng	Quả	70	3.800	266.000
4	su su	Kg	6	12.000	72.000
5	Cải thảo	Kg	2	16.000	32.000
6	Gia vị				66.000
7	Gạo tẻ	Kg	19,8		
	Tổng cộng				**1.254.000**

Bữa chiều: 66 học sinh **Định mức: 19.000 đồng**

STT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Thịt gà trắng (bỏ cổ)	Kg	6	105.000	630.000
2	Bí xanh	Kg	3,0	18,000	54,000
3	Gừng	Kg	0,2	30.000	6.000
4	Thịt lợn vai	Kg	3,6	130.000	468.000
5	Bắp cải sa pa	Kg	2	15.000	30.000
6	Gia vị				66.000
7	Gạo tẻ	kg	19,8		
	Tổng cộng				**1.254.000**

HIỆU TRƯỞNG

UBND XÃ THƯỢNG HÀ TRƯỜNG THCS THƯỢNG HÀ

Nguyễn Ngọc Kiên

NGƯỜI LẬP

Lê Thị Thu Nga

Được quét bằng CamScanner

BẢNG CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 22 tháng 10 năm 2026

Tổng số học sinh: 66

Phân hiệu Điện Quan

Bữa sáng: 66 học sinh **Định mức: 10.000 đồng**

STT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Bánh mỳ kem ruốc	cái	66	10.000	660.000
	Tổng cộng				**660.000**

Bữa trưa: 66 học sinh **Định mức: 19.000 đồng**

STT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Giò (lợn)	Kg	5,4	145.000	783.000
2	Bí đỏ to	Kg	8,5	16.000	136.000
3	Trứng gà đỏ	Qủa	70	3.200	224.000
4	Hành lá	Kg	0,3	30.000	9.000
5	Cải thảo	Kg	2,25	16.000	36.000
7	Gia vị				66.000
8	Gạo tẻ	Kg			
	Tổng cộng				**1.254.000**

Bữa chiều: 66 học sinh **Định mức: 19.000 đồng**

STT	TÊN THỰC PHẨM	ĐVT	SL	ĐƠN GIÁ	THÀNH TIỀN
1	Cá rô phi (bỏ đầu mổ sạch)	Kg	5,8	90.000	522.000
2	Thịt lợn mông	Kg	4,1	130.000	533.000
3	Bắp cải sa pa	Kg	5,8	15.000	87.000
4	Rau cải ngọt	Kg	2	23.000	46.000
5	Gia vị				66.000
6	Gạo tẻ	kg	19,8		
	Tổng cộng				**1.254.000**

HIỆU TRƯỞNG

UBND XÃ THƯỢNG HÀ TỈNH LÀO CAI
TRƯỜNG THCS THƯỢNG HÀ

Nguyễn Ngọc Kiên

NGƯỜI LẬP

Lê Thị Thu Nga

Được quét bằng CamScanner